

(Mẫu số 01/QĐ-CKNS ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC  
ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính)

PHÒNG GD&ĐT QUẢNG YÊN  
TRƯỜNG THCS ĐÔNG MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:151a/QĐ-THCS

Đông Mai, ngày 29 tháng 8 năm 2023

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai phân bổ kinh phí phục vụ cho các hoạt động chung  
của nhà trường năm 2023**

#### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS ĐÔNG MAI**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 847/QĐ-PGD&ĐT TX Quảng Yên ngày 28/8/2023 “ Về việc phân bổ kinh phí phục vụ cho các hoạt động chung của nhà trường năm 2023”;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán trường THCS Đông Mai,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai Về việc phân bổ kinh phí phục vụ cho các hoạt động chung của nhà trường năm 2023

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng nhà trường, các bộ phận, phòng ban liên quan tổ chức thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Phòng TC-KH;
- Phòng GD&ĐT;
- Văn phòng, bộ phận tài vụ;
- Lưu: VT.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



**Nguyễn Thanh Mai**



**BIÊN BẢN**

**Về việc niêm yết công khai phân bổ kinh phí phục vụ hoạt động chung của nhà trường năm 2023**

**Thời gian:** Hồi 09h ngày 29 tháng 8 năm 2023.

**Địa điểm:** Văn phòng trường THCS Đông Mai.

**Thành phần:**

- |       |                       |                            |
|-------|-----------------------|----------------------------|
| 1 Bà: | Nguyễn Thanh Mai      | Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng |
| 2 Bà: | Nguyễn Thị Ánh Nguyệt | Chủ tịch công đoàn, PHT    |
| 3 Bà: | Vũ Thu Hà             | Kế toán                    |
| 4 Bà: | Nguyễn Thị Thanh      | Thanh tra nhân dân         |
| 5 Bà: | Trần Thị Thu Huyền    | Thư ký Hội đồng            |

**Nội dung:**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường THCS Đông Mai tiến hành công khai Quyết định số 847/QĐ-PGD&ĐT TX Quảng Yên “ Về việc phân bổ kinh phí phục vụ cho các hoạt động chung của nhà trường năm 2023” bằng hình thức niêm yết tại địa điểm trụ sở làm việc của nhà trường với các nội dung sau:

Thời gian niêm yết: bắt đầu từ ngày 29/8/2023.

Việc niêm yết được thực hiện liên tục theo đúng thời gian quy định.

Biên bản lập xong hồi 09h 30 phút cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng nhau thống nhất thông qua./.



**HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Thanh Mai

**THƯ KÝ HĐ**

Trần Thị Thu Huyền



**CT CÔNG ĐOÀN**

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

**TB THANH TRA ND**

Nguyễn Thị Thanh

**KẾ TOÁN**

Vũ Thu Hà



**BIÊN BẢN**

**Kết thúc việc công khai phân bổ kinh phí phục vụ hoạt động chung của nhà trường năm 2023**

**Thời gian:** Hồi 10h ngày 28 tháng 9 năm 2023.

**Địa điểm:** Văn phòng trường THCS Đông Mai.

**Thành phần:**

|       |                       |                            |
|-------|-----------------------|----------------------------|
| 1 Bà: | Nguyễn Thanh Mai      | Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng |
| 2 Bà: | Nguyễn Thị Ánh Nguyệt | Chủ tịch công đoàn, PHT    |
| 3 Bà: | Vũ Thu Hà             | Kế toán                    |
| 4 Bà: | Nguyễn Thị Thanh      | Thanh tra nhân dân         |
| 5 Bà: | Trần Thị Thu Huyền    | Thư ký Hội đồng            |

**Nội dung:**

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường THCS Đông Mai tiến hành lập biên bản kết thúc việc công khai Quyết định số 847/QĐ-PGD&ĐT TX Quảng Yên “ Về việc phân bổ kinh phí phục vụ cho các hoạt động chung của nhà trường năm 2023” với các nội dung sau:

Thời gian bắt đầu công khai: bắt đầu từ ngày 29/8/2023, kết thúc niêm yết vào ngày 28/9/2023.

Trong thời gian công khai, trường THCS Đông Mai không tiếp nhận ý kiến kiến nghị, phản ánh nào liên quan đến việc phân bổ kinh phí phục vụ cho các hoạt động chung của nhà trường năm 2023 được yết tại bảng công khai nhà trường.

Biên bản lập xong hồi 10h30 phút cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng nhau thống nhất thông qua./.

**HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Thanh Mai

**THƯ KÝ HĐ**

Trần Thị Thu Huyền

**CT CÔNG ĐOÀN**



Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

**TB THANH TRA ND**

Nguyễn Thị Thanh

**KẾ TOÁN**

Vũ Thu Hà



Số: 847/QĐ-PGDĐT

Quảng Yên, ngày 28 tháng 8 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ kinh phí phục vụ cho các hoạt động chung của nhà trường  
năm 2023

### TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Căn cứ Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 8368/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023; phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách thị xã năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 10742/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc điều chỉnh phân bổ kinh phí sự nghiệp giáo dục năm 2023;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở về việc phân bổ kinh phí phục vụ cho các hoạt động chung của nhà trường năm 2023.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phân bổ kinh phí phục vụ cho các hoạt động chung của nhà trường (hỗ trợ chi bảo vệ, lao công, vệ sinh chung, phần mềm tuyển sinh đầu cấp...) năm 2023, tổng kinh phí: 10.054.000.000 đồng (Mười tỷ, không trăm năm mươi bốn triệu đồng chẵn).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

**Điều 2.** Căn cứ kinh phí dự toán chi ngân sách năm 2023 được phân bổ, các trường tổ chức sử dụng kinh phí đúng mục đích đảm bảo hiệu quả và thực hiện thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Phòng TC-KH, KBNN;
- Như Điều 3 (T/h);
- Lưu: VT, KT (02)/.

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Thúy



Phụ lục

**PHÂN BỐ KINH PHÍ PHỤC VỤ CHO CÁC HOẠT ĐỘNG CHUNG CỦA NHÀ TRƯỜNG  
NĂM 2023**



(Kèm theo Quyết định số 847/QĐ-PGDĐT ngày 28/8/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã)

(Đơn vị tính: đồng)

| Stt       | Tên đơn vị                   | Mã số quan hệ ngân sách | Chương | Mã ngành kinh tế | Mã nguồn kinh phí | Kinh phí phân bổ      |
|-----------|------------------------------|-------------------------|--------|------------------|-------------------|-----------------------|
| 1         | 2                            | 3                       | 4      | 5                | 6                 | 7                     |
|           | <b>TỔNG CỘNG</b>             |                         |        |                  |                   | <b>10.054.000.000</b> |
| <b>I</b>  | <b>Khối mầm non</b>          |                         |        |                  |                   | <b>3.530.000.000</b>  |
| 1         | Trường Mầm non Cộng Hòa      | 1105749                 | 622    | 071              | 12                | 230.000.000           |
| 2         | Trường Mầm non Hà An         | 1105742                 | 622    | 071              | 12                | 195.000.000           |
| 3         | Trường Mầm non Hoàng Tân     | 1105733                 | 622    | 071              | 12                | 154.000.000           |
| 4         | Trường Mầm non Minh Thành    | 1105730                 | 622    | 071              | 12                | 213.000.000           |
| 5         | Trường Mầm non Liên Vị       | 1105736                 | 622    | 071              | 12                | 137.000.000           |
| 6         | Trường Mầm non Phong Cốc     | 1105745                 | 622    | 071              | 12                | 168.000.000           |
| 7         | Trường Mầm non Phong Hải     | 1105739                 | 622    | 071              | 12                | 175.000.000           |
| 8         | Trường Mầm non Tiên An       | 1105738                 | 622    | 071              | 12                | 141.000.000           |
| 9         | Trường Mầm non Yên Giang     | 1105732                 | 622    | 071              | 12                | 136.000.000           |
| 10        | Trường Mầm non Đông Mai      | 1105740                 | 622    | 071              | 12                | 261.000.000           |
| 11        | Trường Mầm non Cẩm La        | 1105743                 | 622    | 071              | 12                | 141.000.000           |
| 12        | Trường Mầm non Hiệp Hòa      | 1105735                 | 622    | 071              | 12                | 195.000.000           |
| 13        | Trường Mầm non Liên Hòa      | 1105746                 | 622    | 071              | 12                | 228.000.000           |
| 14        | Trường Mầm non Nam Hòa       | 1105741                 | 622    | 071              | 12                | 141.000.000           |
| 15        | Trường Mầm non Sông Khoai    | 1105731                 | 622    | 071              | 12                | 321.000.000           |
| 16        | Trường Mầm non Tân An        | 1105737                 | 622    | 071              | 12                | 135.000.000           |
| 17        | Trường Mầm non Tiên Phong    | 1105748                 | 622    | 071              | 12                | 135.000.000           |
| 18        | Trường Mầm non Yên Hải       | 1105747                 | 622    | 071              | 12                | 189.000.000           |
| 19        | Trường Mầm non Hoa Hồng      | 1105734                 | 622    | 071              | 12                | 235.000.000           |
| <b>II</b> | <b>Khối tiểu học</b>         |                         |        |                  |                   | <b>3.198.000.000</b>  |
| 1         | Trường Tiểu học Liên Vị      | 1026583                 | 622    | 072              | 12                | 183.000.000           |
| 2         | Trường Tiểu học Hà An        | 1026585                 | 622    | 072              | 12                | 153.000.000           |
| 3         | Trường Tiểu học Ngô Quyền    | 1025848                 | 622    | 072              | 12                | 217.000.000           |
| 4         | Trường Tiểu học Phong Cốc    | 1025850                 | 622    | 072              | 12                | 157.000.000           |
| 5         | Trường Tiểu học Sông Khoai 1 | 1027579                 | 622    | 072              | 12                | 168.000.000           |



| Stt        | Tên đơn vị                              | Mã số quan<br>hệ ngân sách | Chương | Mã ngành<br>kinh tế | Mã nguồn<br>kinh phí | Kinh phí phân<br>bổ  |
|------------|-----------------------------------------|----------------------------|--------|---------------------|----------------------|----------------------|
| 6          | Trường Tiểu học Liên Hòa                | 1026582                    | 622    | 072                 | 12                   | 208.000.000          |
| 7          | Trường Tiểu học Minh Thành              | 1025853                    | 622    | 072                 | 12                   | 298.000.000          |
| 8          | Trường Tiểu học Hiệp Hòa                | 1025852                    | 622    | 072                 | 12                   | 243.000.000          |
| 9          | Trường Tiểu học Nguyễn Bình             | 1025844                    | 622    | 072                 | 12                   | 154.000.000          |
| 10         | Trường Tiểu học Nam Hòa                 | 1026586                    | 622    | 072                 | 12                   | 161.000.000          |
| 11         | Trường Tiểu học Yên Giang               | 1026580                    | 622    | 072                 | 12                   | 166.000.000          |
| 12         | Trường Tiểu học Tiền An                 | 1025847                    | 622    | 072                 | 12                   | 200.000.000          |
| 13         | Trường Tiểu học Tân An                  | 1025845                    | 622    | 072                 | 12                   | 155.000.000          |
| 14         | Trường Tiểu học Đông Mai                | 1026581                    | 622    | 072                 | 12                   | 237.000.000          |
| 15         | Trường Tiểu học Phong Hải               | 1025851                    | 622    | 072                 | 12                   | 169.000.000          |
| 16         | Trường Tiểu học Yên Hải                 | 1026584                    | 622    | 072                 | 12                   | 161.000.000          |
| 17         | Trường Tiểu học Nguyễn Văn Thuận        | 1026579                    | 622    | 072                 | 12                   | 168.000.000          |
| <b>III</b> | <b>Khối Trung học cơ sở</b>             |                            |        |                     |                      | <b>2.352.000.000</b> |
| 1          | Trường THCS Đông Mai                    | 1027586                    | 622    | 073                 | 12                   | 134.000.000          |
| 2          | Trường THCS Trần Hưng Đạo               | 1027582                    | 622    | 073                 | 12                   | 164.000.000          |
| 3          | Trường THCS Phong Cốc                   | 1027585                    | 622    | 073                 | 12                   | 134.000.000          |
| 4          | Trường THCS Tiền An                     | 1025843                    | 622    | 073                 | 12                   | 149.000.000          |
| 5          | Trường THCS Cộng Hòa                    | 1025849                    | 622    | 073                 | 12                   | 164.000.000          |
| 6          | Trường THCS Phong Hải                   | 1025838                    | 622    | 073                 | 12                   | 134.000.000          |
| 7          | Trường THCS Hà An                       | 1027590                    | 622    | 073                 | 12                   | 149.000.000          |
| 8          | Trường THCS Nam Hòa                     | 1027587                    | 622    | 073                 | 12                   | 149.000.000          |
| 9          | Trường THCS Lê Quý Đôn                  | 1027583                    | 622    | 073                 | 12                   | 164.000.000          |
| 10         | Trường THCS Hiệp Hòa                    | 1027584                    | 622    | 073                 | 12                   | 164.000.000          |
| 11         | Trường THCS Sông Khoai                  | 1025841                    | 622    | 073                 | 12                   | 149.000.000          |
| 12         | Trường THCS Minh Thành                  | 1027588                    | 622    | 073                 | 12                   | 134.000.000          |
| 13         | Trường THCS Liên Hòa                    | 1027589                    | 622    | 073                 | 12                   | 142.000.000          |
| 14         | Trường THCS Liên Vị                     | 1025839                    | 622    | 073                 | 12                   | 139.000.000          |
| 15         | Trường THCS Tân An                      | 1027591                    | 622    | 073                 | 12                   | 149.000.000          |
| 16         | Trường THCS Yên Hải                     | 1025842                    | 622    | 073                 | 12                   | 134.000.000          |
| <b>IV</b>  | <b>Khối Tiểu học và Trung học cơ sở</b> |                            |        |                     |                      | <b>974.000.000</b>   |
| 1          | Trường TH&THCS Tiền Phong               |                            |        |                     |                      |                      |
|            | Trường TH Tiền Phong                    | 1027578                    | 622    | 072                 | 12                   | 75.000.000           |
|            | Trường THCS Tiền Phong                  | 1027578                    | 622    | 073                 | 12                   | 98.000.000           |





| Stt | Tên đơn vị                | Mã số quan<br>hệ ngân sách | Chương | Mã ngành<br>kinh tế | Mã nguồn<br>kinh phí | Kinh phí phân<br>bổ |
|-----|---------------------------|----------------------------|--------|---------------------|----------------------|---------------------|
| 2   | Trường TH&THCS Cẩm La     |                            |        |                     |                      |                     |
|     | Trường TH Cẩm La          | 1130336                    | 622    | 072                 | 12                   | 142.000.000         |
|     | Trường THCS Cẩm La        | 1130336                    | 622    | 073                 | 12                   | 150.000.000         |
| 3   | Trường TH&THCS Sông Khoai |                            |        |                     |                      |                     |
|     | Trường TH Sông Khoai      | 1130337                    | 622    | 072                 | 12                   | 120.000.000         |
|     | Trường THCS Sông Khoai    | 1130337                    | 622    | 073                 | 12                   | 104.000.000         |
| 4   | Trường TH&THCS Hoàng Tân  |                            |        |                     |                      |                     |
|     | Trường TH Hoàng Tân       | 1131212                    | 622    | 072                 | 12                   | 135.000.000         |
|     | Trường THCS Hoàng Tân     | 1131212                    | 622    | 073                 | 12                   | 150.000.000         |